

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THO**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2018/DS-ST

Ngày: 12/9/2018

V/v: Tranh chấp thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quang Vũ.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Kiều Công Ích**

Bà **Vương Thị Thu**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hoài Linh.**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Khắc Bằng** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2017/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp thừa kế tài sản, chia tài sản chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2018/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông **Trần Văn K**, sinh năm 1934.

Địa chỉ: Khu 8, xã K, huyện T, tỉnh P.

* *Bị đơn:* Chị **Trần Thị T**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Khu 11, xã H, thị xã P, tỉnh P.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh **Trần Văn T**, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Khu 8, xã K, huyện T, tỉnh P.

2. Chị **Trần Thị L**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Khu 8, xã K, huyện T, tỉnh P.

Các đương sự đều có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, chị L trình bày:

Ông **Trần Văn K** và bà **Bùi Thị T** là vợ chồng. Ông bà có 02 con chung là **Trần Văn T**, sinh năm 1965 và **Trần Thị T**, sinh năm 1968.

Ông **K** và bà **T** có tài sản chung là thửa đất số 139 tờ bản đồ 27 diện tích 1291 m² tại khu 8, xã K, huyện T, tỉnh P, được UBND huyện Thanh Ba cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/12/1998. Diện tích thực tế được đo đạc lại là 1439.6 m²

Ngày 12/8/2016 bà **T** chết không để lại di chúc.

Ông **K** muốn chuyển quyền sử dụng đất cho anh **T** để anh **T** thế chấp Ngân

hàng vay tiền để chữa bệnh, nhưng chị T không đồng ý ký kết các giấy tờ và đề nghị được hưởng thừa kế tài sản của bà T. Vì vậy ông K khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất của bà T.

Tài sản chung của ông và bà T mỗi người được 1/2. Trong đó phần của ông, ông tặng cho con trai ông là anh T và chị L. Phần của bà T để lại thừa kế chia làm 3 phần cho hàng thừa kế thứ nhất là ông K, anh T và chị T, mỗi người được 1/3. Toàn bộ phần tài sản ông được hưởng thừa kế, ông đề nghị tặng cho vợ chồng anh T, chị L.

Vì đất đã xây nhà và các công trình nên khó phân chia đất, ông đề nghị giao toàn bộ quyền sử dụng đất cho vợ chồng anh T, chị L.

Bị đơn là chị Trần Thị T trình bày:

Chị xác nhận bố mẹ chị là ông K và bà T có 02 người con là chị và anh T. Tài sản chung của bố mẹ chị là quyền sử dụng đất đúng như chị L trình bày.

Chị đề nghị chia phần đất của bà T để lại làm 2 phần cho chị và anh T. Chị yêu cầu được hưởng bằng đất.

Tại phiên tòa chị T đề nghị nếu phải chia bằng tiền thì đề nghị bên sử dụng đất thanh toán ngay cho chị

Người có quyền lợi liên quan là anh Trần Văn T trình bày:

Vợ chồng anh chị thống nhất trình bày nhất trí như quan điểm của ông K (đã được chị L trình bày tại phiên tòa và trong giai đoạn chuẩn bị xét xử). Anh T yêu cầu được chia 1/3 phần di sản thừa kế do bà T để lại. Toàn bộ những tài sản được thừa kế, tặng cho, anh tự nguyện đưa vào khối tài sản chung của vợ chồng và đề nghị để chị Trần Thị L đứng tên. Theo anh, thửa đất anh đã sử dụng ổn định và xây dựng nhà ở và các công trình trên đất nên anh yêu cầu được sử dụng toàn bộ diện tích đất và thanh toán lại tiền cho chị T phần mà chị được hưởng.

* Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chia thừa kế cho chị Trần Thị T bằng tiền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án không tiến hành hòa giải do nguyên đơn từ chối hòa giải, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại khoản 4 Điều 207 BLTTDS.

[2] Về quan hệ tranh chấp:

Ông Trần Văn K và bà Bùi Thị T là vợ chồng. Ông bà có 02 con chung là Trần Văn T, sinh năm 1965 và Trần Thị T, sinh năm 1968.

Ông K và bà T có khối tài sản chung là quyền sử dụng thửa đất số 139 tờ bản đồ 27 diện tích 1439.6 m² tại khu 8, xã K, huyện T, tỉnh P, được UBND huyện Thanh Ba cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/12/1998, được định giá tổng trị giá: 477.762.000 đồng.

Ngày 12/8/2016 bà T chết không để lại di chúc nên di sản thừa kế được chia

theo pháp luật. Hàng thừa kế thứ nhất gồm có ông K, chị T và anh T. Các bên không có yêu cầu khác về công duy trì quản lý tài sản nên không xem xét. Như vậy mỗi người được hưởng tương ứng 1/3 di sản của bà T.

Chị T yêu cầu chia di sản của bà T và lấy bằng quyền sử dụng đất. Thấy rằng, anh T đã sử dụng ổn định và xây dựng nhà cửa và các công trình trên đất, việc chia đất cho chị T sẽ không đảm bảo được giá trị sử dụng của các công trình và mối quan hệ nên không thể thực hiện được. Do vậy cần giao cho một bên là phía anh T được quyền sử dụng đất và thanh toán cho mỗi người còn lại là chị T và ông K tương ứng giá trị bằng tiền là phù hợp.

Tại phiên tòa ông Trần Văn K, anh Trần Văn T và chị Trần Thị T nhất trí nếu chia bằng tiền thì anh Trần Văn T có trách nhiệm thanh toán 80 triệu đồng cho chị Trần Thị T.

Tại phiên tòa ông Trần Văn K, anh Trần Văn T, chị Trần Thị L nhất trí thỏa thuận: Do ông K già yếu, anh T bị tai biến không đi lại được nên đề nghị Tòa án tuyên toàn bộ QSDĐ của ông K và anh T được hưởng cho chị Trần Thị L.

[3] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí trên giá trị được chia. Ông K thuộc hộ nghèo và là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí. Anh T là hộ cận nghèo nên được miễn toàn bộ án phí. Chị T có hoàn cảnh khó khăn, có đơn xin miễn giảm được UBND nơi cư trú xác nhận nên miễn 50%.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ vào Điều 623; 649, điểm a khoản 1 Điều 650, Điều 651, 660 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147, Điều 271, khoản 1, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

2/ Giao cho chị Trần Thị L, sinh năm 1968, địa chỉ: Khu 8, xã K, huyện T, tỉnh P quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số thửa đất số 139 tờ bản đồ 27 diện tích 1439.6 m² tại khu 8, xã K, huyện T, tỉnh P, được UBND huyện Thanh Ba cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/12/1998 (trong đó 400 m² đất ở và 1039.6 m² đất vườn) tại khu 8, xã K, huyện T, tỉnh P.

3/ Anh Trần Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho chị Trần Thị T số tiền 80.000.000 đ (tám mươi triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người có nghĩa vụ nếu chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải trả tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Về án phí: Chị Trần Thị T phải nộp 1.900.000đ (một triệu chín trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba. Hoàn trả cho ông K 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ theo biên lai số AA/2015/004043 ngày 01 tháng 12 năm 2017.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án DS H. Thanh Ba;
- Lưu hồ sơ, án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Vũ